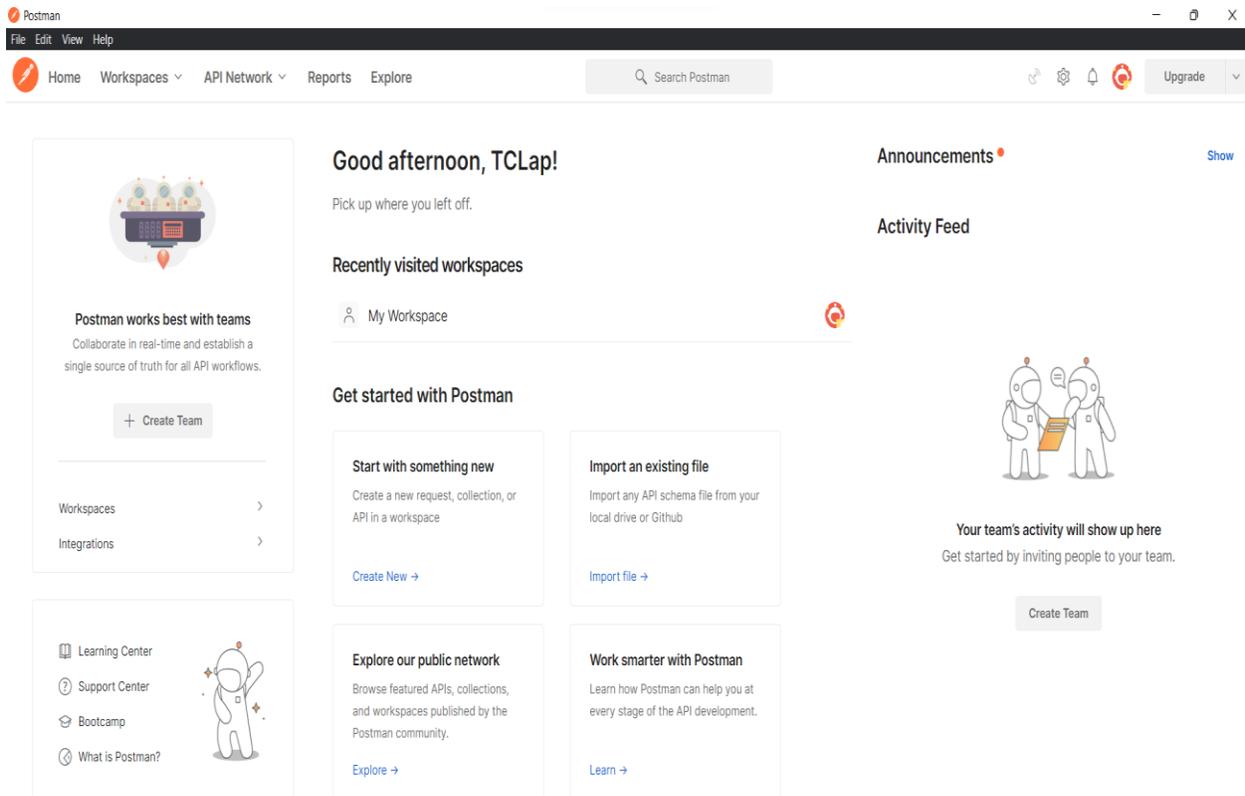


Lab - Kết nối vào APIC-EM lấy ticket và lấy danh sách thiết bị bằng Postman

Khởi động Postman :

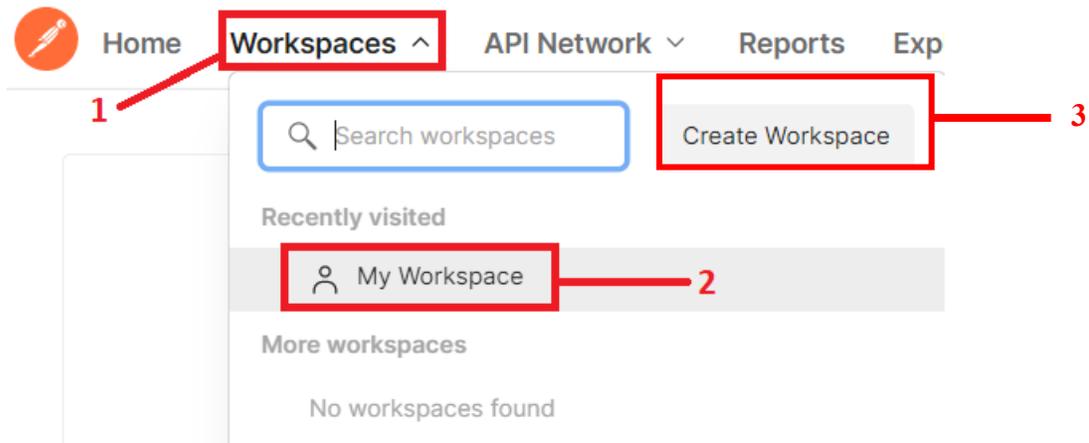


Giao diện của Postman

1/ Tạo WorkSpaces

- [1]: Chọn Workspaces
- [2]: Chọn Workspaces có sẵn

- [3]: Tạo mới WorkSpaces



- [6]: Điền tên workspaces
- [7]: Tóm tắt nội dung của workspaces
- [8]: Chọn chế độ truy cập vào workspaces

Create workspace

Name

 6

Summary

Add a brief summary about this workspace.

 7

Visibility

Determines who can access this workspace.

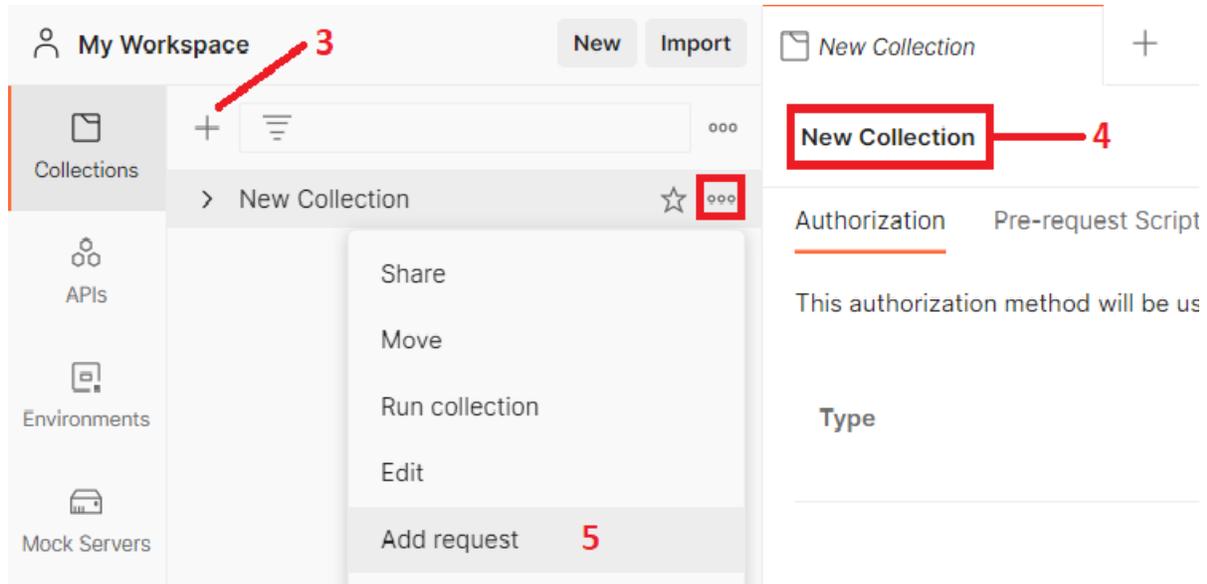
Personal
Only you can access

Private
Only invited team members can access

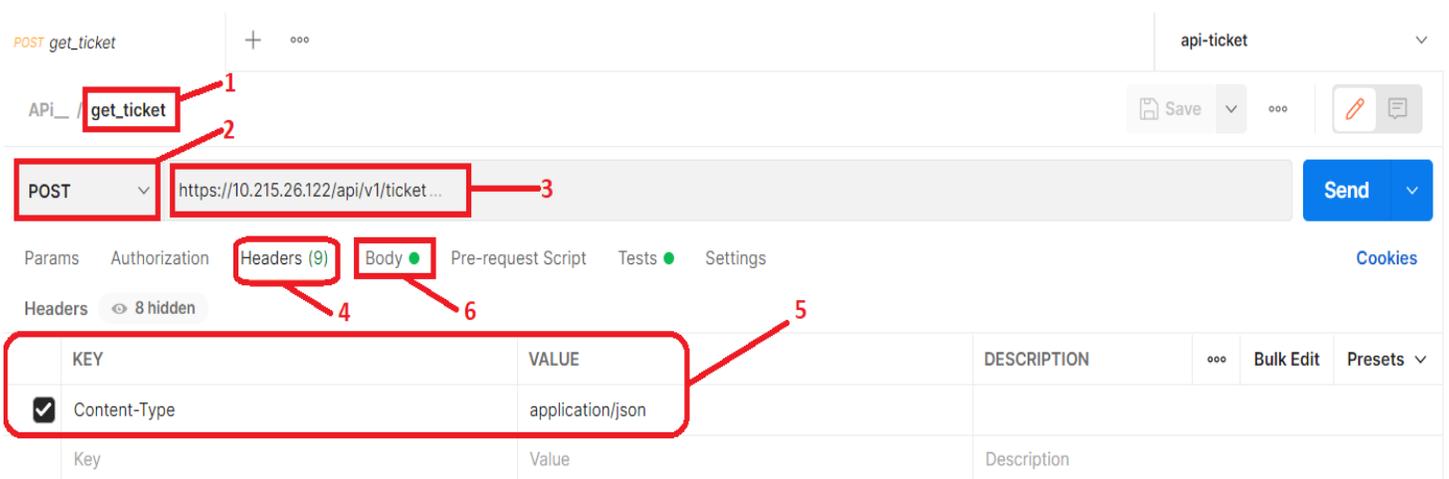
Team
All team members can access **8**

Public
Everyone can view

- [3]: Tạo 1 Collection mới
- [4]: Đặt tên cho collection (Tại đây, ta đặt “APIC_EM”)
- [5]: Tạo 1 request mới

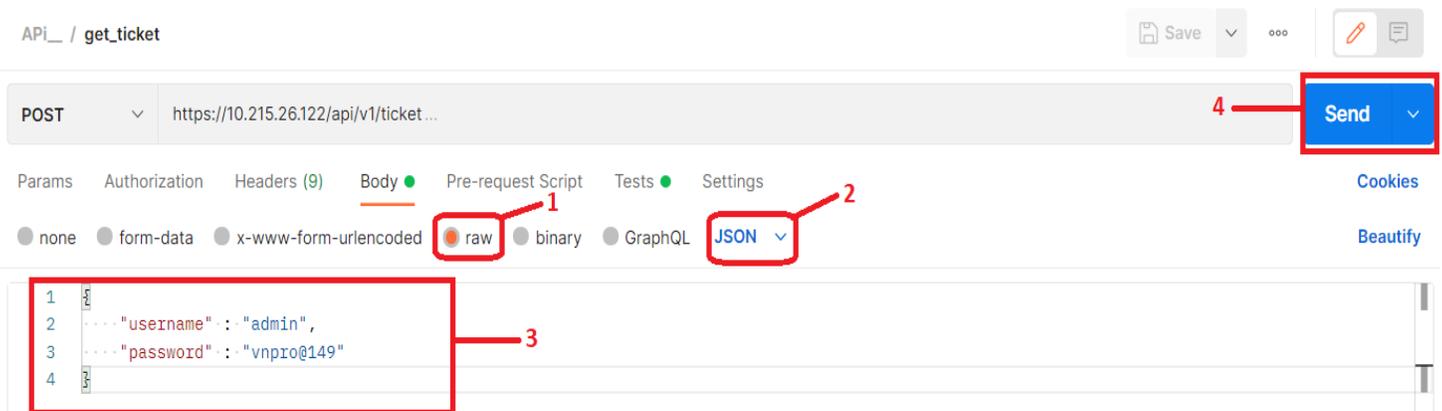


2/ Lấy ticket



- [1]: Đặt tên cho request.
- [2]: Chọn chế độ POST.

- [3]: Nhập địa chỉ APIC-EM: Cú pháp của URL
[http://\[địa chỉ IP APIC-EM\]/api/v1/\[REST function\]](http://[địa chỉ IP APIC-EM]/api/v1/[REST function])
(Trong trường hợp này để lấy ticket nên REST function sẽ là /ticket)
- [4]: Chuyển sang tab Headers để thêm HTTP header.
- [5]: Hàm POST bắt buộc phải được định danh key “Content-Type” với giá trị là “application/json”.
- Khi đã làm hết các bước trên ta chuyển sang tab **Body [6]** để khai báo username/password ở định dạng json.



- [1]: Chọn “raw”.
- [2]: Chọn định dạng Json.
- [3]: Khai báo Username/Password theo định dạng Json có dạng như trên.

Một số lưu ý hàm Json:

1. Giữa giá trị Key và Value được ngăn cách bởi “:”.
 2. Key phải đặt trong “”.
 3. Giữa các Key và Value được ngăn cách bởi dấu “,”.
 4. Các Key và Value phải nằm trong { }.
- Khi khai báo xong Username/Password thì nhấn Send [4], Nếu status trả về là “200 OK” thì thành công, ticket trả về ở mục [5].

Body Cookies Headers (7) Test Results

Status: 200 OK Time: 97 ms Size: 399 B

Pretty

Raw

Preview

Visualize

JSON



```
1  {
2    "response": {
3      "serviceTicket": "ST-1099-5fDsvxR0O4fbWxNZZEV1-cas",
4      "idleTimeout": 1800,
5      "sessionTimeout": 21600
6    },
7    "version": "1.0"
8  }
```

Ticket là "ST-1099-5fDsvxR0O4fbWxNZZEV1-cas".

- Nếu bị lỗi sau vào **File** → **Setting** → **General** tắt mục **SSL certificate verification**.

Could not get any response

Why this might have happened:

- The server couldn't send a response: Ensure that the backend is working properly
- Self-signed SSL certificates are being blocked: Fix this by turning off 'SSL certificate verification' in *Settings > General*
- Proxy configured incorrectly: Ensure that proxy is configured correctly in *Settings > Proxy*
- Request timeout: Change request timeout in *Settings > General*

3/ Lấy danh sách thiết bị

- Sau khi đã có Ticket, tiến hành tạo một request mới là `Get_list_device`.



- Tiến hành điền thêm headers cần thiết ở tab Headers

APIC_EM / Get_list_device

GET Send

Params Authorization Headers (7) Body Pre-request Script Tests Settings Cookies

Headers 6 hidden

	KEY	VALUE	DESCRIPTION	...	Bulk Edit	Presets
<input checked="" type="checkbox"/>	X-Auth-Token	ST-1099-5fDsvxR004fbWxNZZEV1-cas				
	Key	Value	Description			

- [1]: Chuyển sang chế độ **GET** để lấy về danh sách thiết bị.
- [2]: Để lấy danh sách thiết bị cần dùng REST function “**/network-device**”.
- [3]: Chọn tab **Headers**.
- [4]: Thêm Key “**X-Auth-Token**” với Value là giá trị ticket vừa lấy được ở phía trên.
- [5]: Nhấn Send để APICE-EM trả về danh sách thiết bị.

(Kết quả trả về ở trang kế tiếp)

- Kết quả trả về :

```
{
  "response": [
    {
      "location": "c36adb65-bc42-403e-b1e6-8a647432cb87",
      "type": "Cisco 7206VXR Router",
      "family": "Routers",
      "serialNumber": "4279256517",
      "errorCode": "DEV-UNREACHED",
      "role": "BORDER ROUTER",
      "lastUpdateTime": 1646039843085,
      "macAddress": "ca:0b:17:a8:00:00",
      "softwareVersion": "15.2(4)M11",
      "inventoryStatusDetail": "<status><general code=\"DEV_UNREACHED\"/></status>",
      "collectionInterval": "Global Default",
      "upTime": "4 days, 7:33:40.12",
      "series": "Cisco 7200 Series Routers",
      "locationName": "Tang1",
      "tagCount": "1",
      "hostname": "R.vnpro",
      "errorDescription": "SNMP timeouts are occurring with this device. Either the SNMP credentials are not correctly provided to conti",
      "lastUpdated": "2022-02-28 09:17:23",
      "roleSource": "AUTO",
      "apManagerInterfaceIp": "",
      "bootDateTime": "2020-07-16 01:13:06",
      "collectionStatus": "Partial Collection Failure",
      "interfaceCount": "1",
      "lineCardCount": "3",
      "lineCardId": "2a382e2d-9847-4177-bbd8-b6f485dceec5, ff592ae3-771b-4910-b9de-4081432a7f67, ebe8520b-64ed-454d-a9e8-8d6e970979a9",
      "managementIpAddress": "10.215.26.200",
      "memorySize": "352501580",
      "platformId": "CISCO7206VXR",
      "reachabilityFailureReason": "SNMP Connectivity Failed",
      "reachabilityStatus": "Unreachable",
      "snmpContact": "",
      "snmpLocation": "",
      "tunnelUdpPort": null,
      "instanceUuid": "ee75670d-9d32-49fd-9705-4faf76dd188f",
      "id": "ee75670d-9d32-49fd-9705-4faf76dd188f"
    },
    {
      "version": "1.0"
    }
  ],
}
```